



Bảng 1: Chỉ tiêu

VN30F1M (Giá đóng cửa – 09/01/2026)	2061.6
Khối lượng hợp đồng	327,097
VN30 (Giá đóng cửa – 09/01/2026)	2066.21
Khối lượng	610,141,992
Chênh lệch VN30F1M & VN30	-4.61

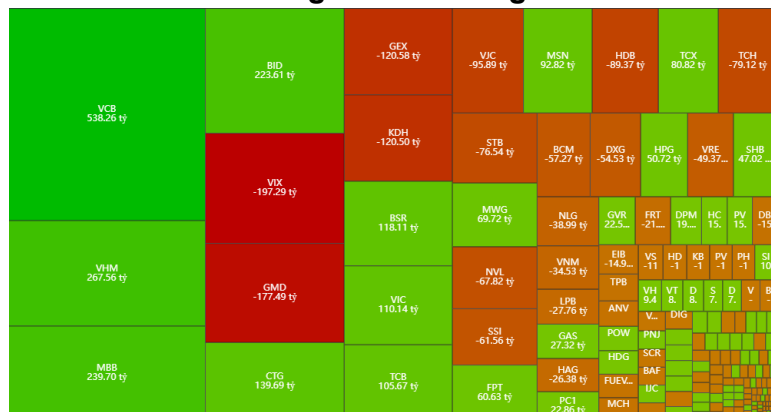
ĐIỂM NHẤN THỊ TRƯỜNG

- VN-Index mở gap tăng điểm vào đầu phiên sáng và giao dịch sideway trong suốt phiên sáng, sang phiên chiều lực mua xuất hiện mạnh kéo chỉ số tăng hơn 12 điểm so với phiên giao dịch liền trước, đạt 1867.9 điểm
- Các hợp đồng tương lai giảm điểm trong phiên giao dịch ngày 09/01/2025. VN30-Index kết phiên với khối lượng giao dịch cao hơn mức trung bình 20 phiên.

ĐIỂM TIN THỊ TRƯỜNG VN30 CƠ SỞ

- Về mức độ ảnh hưởng, VPB và HDB ảnh hưởng nhất cho phiên hôm nay, lần lượt kéo VN30-Index giảm 4.15 và 2.95 điểm.
- VN30-Index kết phiên giảm hơn 0.38% so với phiên giao dịch trước, đạt 2066.21 điểm. Độ rộng nghiêng về phía bán với 12 mã tăng điểm, 17 mã giảm điểm và 01 mã không thay đổi.
- Khối ngoại quay lại mua ròng với giá trị hơn 805 tỷ đồng. Tâm điểm, cổ phiếu VCB khối ngoại “gom” mạnh nhất tới hơn 538 tỷ đồng, tiếp theo sau là các mã như VHM mua ròng hơn 267 tỷ đồng; MBB hơn 239 tỷ đồng hay BID hơn 223 tỷ đồng. Tại chiều bán, khối ngoại bán ròng nhiều nhất cổ phiếu VIX với giá trị hơn 197 tỷ đồng. Tiếp sau đó, hai mã GMD và GEX được khối ngoại bán ròng lần lượt là hơn 177 tỷ đồng và hơn 120 tỷ đồng.

Hình 1- Phân bổ dòng tiền Nước ngoài



Nguồn: FireAnt

Hình 2- Giá trị Nước ngoài mua ròng (tỷ)



Nguồn: FireAnt

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG VN30 CƠ SỞ

Trong phiên giao dịch ngày 09/01/2026, VN30-Index đảo chiều giảm điểm đồng thời xuất hiện mẫu hình nến Doji kèm theo khối lượng giao dịch nằm trên mức trung bình 20 phiên cho thấy tâm lý không mấy lạc quan của nhà đầu tư.

Hiện tại, VN30-Index đang nằm trên đỉnh cũ tháng 10/2025 (tương đương vùng 2,010-2,055 điểm) đã bị phá vỡ. Đây sẽ là ngưỡng hỗ trợ quan trọng trong các phiên tới của chỉ số.

Hình 3- Chỉ số VN30 cơ sở theo ngày



Nguồn: Fireant, BT Research

DIỄN BIẾN GIAO DỊCH HỢTTL NGÀY 09/01/2026

Các hợp đồng tương lai VN30 đồng loạt giảm điểm trong phiên giao dịch ngày 09/01/2026. Cụ thể, 4111G1000 (I1G1000) giảm 0.6%, còn 2,061.6 điểm; 4111G2000 (I1G2000) giảm 0.58%, còn 2,061 điểm; hợp đồng 4111G3000 (I1G3000) giảm 0.95%, còn 2,055.2 điểm; hợp đồng 4111G6000 (I1G6000) giảm 0.59%, còn 2,059.2 điểm. Chỉ số cơ sở VN30-Index kết phiên ở mức 2,066.21 điểm.

Ngoài ra, các hợp đồng tương lai VN100 tăng giảm trái chiều trong phiên giao dịch ngày 09/01/2026. Cụ thể, 4112G1000 (I2G1000) giảm 0.99%, còn 1,934.2 điểm; 4112G2000 (I2G2000) giảm 0.76%, đạt 1,940.1 điểm; hợp đồng 4112G3000 (I2G3000) tăng 0.88%, còn 1,958.2 điểm; hợp đồng 4112G6000 (I2G6000) giảm 0.54%, đạt 1,940.4 điểm. Chỉ số cơ sở VN100-Index kết phiên ở mức 1,956.73 điểm. 4112G6000 (I2G6000) tăng 1.49%, đạt 1,929.9 điểm. Chỉ số cơ sở VN100-Index kết phiên ở mức 1,944.2 điểm.

NHẬN ĐỊNH GIAO DỊCH HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

Khối lượng giao dịch I1G1000 tăng 13.58% so với phiên giao dịch trước, đạt 327,097 hợp đồng được khớp lệnh. Khối lượng giao dịch của G2000 đạt 1677 hợp đồng. Khối ngoại quay lại bán ròng với tổng khối lượng trong phiên giao dịch ngày 09/01/2026 đạt 3099 hợp đồng.

Về xu hướng, F1M hiện tại đang giao dịch cao hơn giá trung bình OI 161 điểm. Theo thống kê, Tụ doanh nắm giữ 5863 hợp đồng Short. NĐTNN nắm giữ 1288 hợp đồng Long.

Hiện tại F1M giao dịch cao hơn trung bình OI 161 điểm cho thấy xu hướng Long đang lấy lại vị thế. Ưu tiên giao dịch vị thế Long nếu F1M vẫn tiếp tục quay lại giao dịch cao hơn trung bình giá OI tháng hiện tại.

Bảng 2: Thông tin mã Hợp đồng Tương lai ngày

Mã hợp đồng	Giá đóng cửa	+/-	KLGD	Ngày đáo hạn	OI
VN30F1M	2061.6	-12.4	327,097	15/01/2026	33,435
VN30F2M	2061	-12	1,677	13/02/2026	2822
VN30F1Q	2055.2	-19.7	86	19/03/2026	542
VN30F2Q	2059.2	-12.3	34	18/06/2026	289

Nguồn: BT Research

Bảng 5: Ngưỡng trong phiên

Kháng cự gần	2075–2094
Kháng cự xa	2105–2120
Hỗ trợ gần	2000–2003
Hỗ trợ xa	1955–1952

Bảng 3: Chênh lệch giá HĐTL

Spread HĐTL	Hiện tại	Phiên trước	+/-
VN30F1M - VN30	-4.61	-0.03	-4.58
VN30F2M - VN30	-5.21	-1.03	-4.18
VN30F2M - VN30F1M	-0.6	-1	0.40
VN30F1Q - VN30F1M	-6.4	0.9	-7.30
VN30F1Q - VN30F2M	-5.8	1.9	-7.70
VN30F2Q - VN30F1M	-2.4	-2.5	0.10
VN30F2Q - VN30F2M	-1.8	-1.5	-0.30
VN30F2Q - VN30F1Q	4	-3.4	7.40

Bảng 4: Chiến lược giao dịch trong ngày

Vị thế	Điểm vào	Chốt lời	Cắt lỗ
LONG	2003	2075–2094	<1992
SHORT	1998	1955–1952	>2010

CHIẾN LƯỢC GIAO DỊCH

• Chiến lược giao dịch trong phiên: NĐT thận trọng tham gia với tỷ trọng vừa phải.

- Vị thế **Long** khuyến nghị quan sát và lấy vị thế quanh vùng 2003
- Vị thế **Short** khuyến nghị quan sát và lấy vị thế quanh vùng 1998

• Chiến lược giao dịch qua đêm: Không khuyến nghị giữ vị thế quan đêm, quan sát chờ điểm vào phù hợp.

* Lưu ý: Trường hợp giá mở cửa tạo gap lớn cần chú ý quan sát, tránh fomo đặt lệnh và phòng ngừa rủi ro. Kết hợp theo dõi tình hình diễn biến thị trường chứng khoán cơ sở.

Hình 4- Chỉ số VN30F1M theo khung ngày



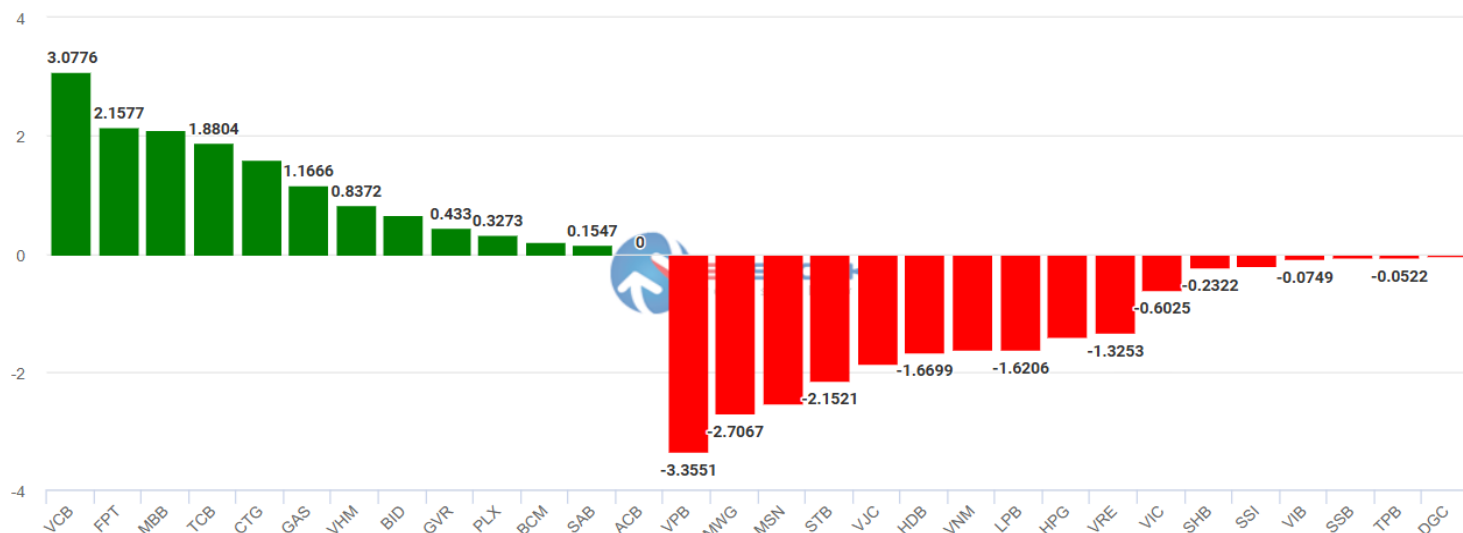
Nguồn: Fireant, BT Research

Hình 5- Chỉ số VN30F1M theo khung 30 phút



Nguồn: Fireant, BT Research

Hình 6- Cổ phiếu ảnh hưởng trong VN30-Index



Top cổ phiếu đóng góp tăng: **14.6016** Top cổ phiếu đóng góp giảm: **-21.5197**

Danh sách cổ phiếu nhóm VN30

Mã CK	Phân ngành	Giá	Thay đổi	KLCPLH	Vốn hóa	Tỷ trọng (%)	Ảnh hưởng (%)	Điểm ảnh hưởng
VCB	Ngân hàng	68,000	(+6.75%)	8,355,675,094	27,468,947,644,521	2.20	0.1484	3.0776
FPT	Công nghệ thông tin	97,400	(+0.93%)	1,703,507,121	139,778,157,692,116	11.19	0.104	2.1577
MBB	Ngân hàng	27,300	(+2.63%)	8,054,999,909	48,323,354,079,075	3.87	0.1017	2.1095
TCB	Ngân hàng	36,650	(+1.81%)	7,064,851,739	62,589,084,654,248	5.01	0.0907	1.8804
CTG	Ngân hàng	40,750	(+6.68%)	5,369,991,748	14,426,180,768,966	1.15	0.0771	1.5995
GAS	Tiện ích	97,100	(+6%)	2,412,949,756	11,714,871,065,380	0.94	0.0563	1.1666
VHM	Bất động sản	140,000	(+0.65%)	4,107,412,004	77,595,584,614,766	6.21	0.0404	0.8372
BID	Ngân hàng	46,050	(+6.97%)	7,021,361,917	5,684,206,732,165	0.45	0.0317	0.6576
GVR	Hóa chất	31,600	(+5.16%)	4,000,000,000	5,056,000,000,000	0.40	0.0209	0.433
PLX	Dầu khí	43,000	(+3.61%)	1,270,592,235	5,463,546,610,500	0.44	0.0158	0.3273
BCM	Bất động sản	71,000	(+4.11%)	1,035,000,000	2,939,400,000,000	0.24	0.0097	0.2005
SAB	Thực phẩm	48,950	(+1.35%)	1,282,562,372	6,905,957,092,034	0.55	0.0075	0.1547
ACB	Ngân hàng	24,550	0.00%	5,136,656,599	47,109,645,304,248	3.77	0	0
DGC	Hóa chất	62,700	(-0.16%)	379,778,413	14,287,263,897,060	1.14	-0.0018	-0.0379
TPB	Ngân hàng	17,600	(-0.28%)	2,641,956,196	11,239,832,762,015	0.90	-0.0025	-0.0522
SSB	Ngân hàng	17,350	(-0.29%)	2,845,000,000	11,931,727,293,750	0.95	-0.0028	-0.0574
VIB	Ngân hàng	17,950	(-0.28%)	3,404,005,710	16,112,571,687,800	1.29	-0.0036	-0.0749
SSI	Dịch vụ tài chính	30,350	(-0.65%)	2,075,914,794	19,383,184,906,454	1.55	-0.0101	-0.2091
SHB	Ngân hàng	16,500	(-0.60%)	4,593,703,838	23,318,674,265,052	1.87	-0.0112	-0.2322
VIC	Bất động sản	176,000	(-0.34%)	3,853,015,512	106,758,120,841,532	8.54	-0.029	-0.6025
VRE	Bất động sản	35,000	(-2.51%)	2,272,318,410	31,812,457,740,000	2.55	-0.0639	-1.3253
HPG	Tài nguyên cơ bản	26,200	(-0.76%)	7,675,465,855	110,603,462,970,550	8.85	-0.0673	-1.3952
LPB	Ngân hàng	41,200	(-1.90%)	2,987,282,100	51,387,316,302,663	4.11	-0.0781	-1.6206
VNM	Thực phẩm	61,000	(-1.93%)	2,089,955,445	50,994,912,858,000	4.08	-0.0788	-1.6336
HDB	Ngân hàng	27,900	(-3.13%)	3,495,060,732	32,142,457,086,615	2.57	-0.0805	-1.6699
VJC	Du lịch và Giải trí	198,700	(-2.12%)	591,611,334	52,898,927,429,610	4.23	-0.0898	-1.8614
STB	Ngân hàng	51,800	(-3.18%)	1,885,215,716	40,773,059,036,426	3.26	-0.1038	-2.1521
MSN	Thực phẩm	76,500	(-2.30%)	1,445,915,457	66,367,519,476,300	5.31	-0.1222	-2.5336
MWG	Bán lẻ	86,000	(-1.71%)	1,478,456,763	95,360,461,213,500	7.63	-0.1305	-2.7067
VPB	Ngân hàng	28,250	(-3.42%)	7,933,923,601	59,103,962,213,740	4.73	-0.1618	-3.3551

CAM KẾT PHÂN TÍCH

Chuyên viên phân tích trong báo cáo này cam kết rằng quan điểm thể hiện trong báo cáo phân tích này phản ánh chính xác quan điểm cá nhân đối với chứng khoán và/hoặc tổ chức phát hành và chuyên viên phân tích đã/ đang/sẽ được miễn trách nhiệm bồi thường trực tiếp hoặc gián tiếp liên quan đến khuyến nghị cụ thể hoặc quan điểm trong báo cáo phân tích này.

TUYÊN BỐ MIỄN TRỪ

Các thông tin, tuyên bố, dự báo và dự đoán trong báo cáo này, bao gồm cả các ý kiến đã thể hiện, được dựa trên các nguồn thông tin mà BT Research cho là đáng tin cậy, tuy nhiên chúng tôi không đảm bảo sự chính xác và đầy đủ của các thông tin này. Báo cáo không có bất kỳ thông tin nhạy cảm về giá chưa công bố nào. Các ý kiến thể hiện trong báo cáo này được đưa ra sau khi đã được xem xét kỹ càng và cẩn thận và dựa trên thông tin tốt nhất chúng tôi được biết, và theo ý kiến cá nhân của chúng tôi là hợp lý trong các trường hợp tại thời điểm đưa ra báo cáo. Các ý kiến thể hiện trong báo cáo này có thể thay đổi bất kỳ lúc nào mà không cần thông báo.

Báo cáo này không và không nên được giải thích như một lời đề nghị hay lời kéo để đề nghị mua hay bán bất cứ chứng khoán nào. BT Research và/hoặc các chuyên viên, giám đốc, nhân viên có thể có vị thế hoặc có thể ảnh hưởng đến giao dịch chứng khoán của các công ty được đề cập trong báo cáo này và có thể cung cấp dịch vụ hoặc tìm kiếm để cung cấp dịch vụ ngân hàng đầu tư cho các công ty đó.

Tài liệu này chỉ được lưu hành nội bộ và không được công bố công khai trên báo chí hay bất kỳ phương tiện nào khác. BT Research không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ thiệt hại trực tiếp hay thiệt hại do hậu quả phát sinh từ việc sử dụng báo cáo này hay nội dung báo cáo này. Việc sử dụng bất kỳ thông tin, tuyên bố, dự báo, và dự đoán nào trong báo cáo này sẽ do người dùng tự quyết định và tự chịu rủi ro.

THÔNG TIN LIÊN HỆ

Trung tâm phân tích và đầu tư

Lâm Tuyết Nhi

Trưởng phòng phân tích và đầu tư
nhi.lam@bt-group.vn

Phân tích viên

Nguyễn Thị Thuỳ Trang

Chuyên viên phân tích
trang.nguyenthuy@bt-group.vn

Nguyễn Thị Tú

Chuyên viên phân tích
tu.nguyen@bt-group.vn

Nguyễn Viết Hoàng Chương

Chuyên viên phân tích
chuong.nguyen@bt-group.vn